

ĐÔ THỊ HOÁ VÀ KIẾN TẠO KHÔNG GIAN Ở MỘT LÀNG VEN ĐÔ (NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP LÀNG NGỌC THAN)

Ngô Thị Chang

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Email: changanthro1911@ussh.edu.vn

Ngày nhận bài: 10/12/2023; ngày hoàn thành phản biện: 19/12/2023; ngày duyệt đăng: 20/12/2023

TÓM TẮT

Những quan sát về làng từ lý thuyết không gian, nhìn làng như một thực thể sống động góp phần gợi mở nhiều hướng nhận thức về làng, đặc biệt là trong quá trình đô thị hoá. Bài viết chỉ ra đô thị hóa thực chất chỉ là một yếu tố trong chuỗi những nguyên nhân dẫn đến “kiến tạo” không gian làng trong quá trình tồn tại. Bài viết từ nghiên cứu trường hợp làng Ngọc Than cho thấy đô thị hóa đã xâm nhập vào làng mạc làm biến đổi sâu sắc cấu trúc không gian làng xã từ trong gốc rễ.

Từ khóa: đô thị hoá bền vững, không gian, kiến tạo không gian, làng xã, truyền thống.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Làng Việt trải qua hơn một thế kỷ quan sát đã hé lộ ra nhiều phương diện mang tính bản chất khác nhau, mà ở mỗi góc độ, lại có tác dụng làm rõ hiểu biết về làng. Trong đó, những quan sát về làng từ lý thuyết không gian, dù mới khởi đầu nhưng hứa hẹn nhiều những điểm khả dĩ trong các kết luận nhằm đóng góp thêm vào nhận thức về làng. Làng là một thực thể linh động liên tục biến đổi trong lịch sử, vì thế, các không gian cũng liên tục đổi thay, nắm bắt tính linh động của không gian làng là tiếp cận làng như một thực thể sống động, nhất là ngày nay, quá trình đô thị hóa đã làm biến đổi sâu sắc cấu trúc không gian làng xã từ trong gốc rễ, không gian làng chuyển thành không gian phố. Từ đó, nghiên cứu trường hợp làng Ngọc Than, xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc Oai, Hà Nội mong muốn đóng góp những kiến giải vào vấn đề phát triển quá trình đô thị hóa bền vững nông thôn Việt Nam, tiến đến hiện đại mà không đứt gãy với truyền thống quá khứ.

2. NỘI DUNG

2.1. Làng – tiếp cận từ không gian

Các học giả nước ngoài đã xây dựng những cách nhìn khác nhau về không gian. Theo Karl Marx, không gian là một thực tiễn xã hội mà khái niệm này được kiến tạo bởi các nhóm xã hội quyền lực – hay nhóm tư bản [1, tr.73 - 96]. Tiếp nối, Henri Lefebvre đã phát triển khái niệm “không gian” để nghiên cứu đời sống xã hội của thành phố và cách con người sử dụng không gian của họ. Ông cho rằng không gian (xã hội) là sản phẩm (xã hội). Nghiên cứu về sản xuất không gian sẽ hé lộ về quan hệ xã hội và các hình thái [2, tr. 116]. Henri Lefebvre phân chia không gian thành ba trục chính mà ông gọi là “không gian nhận thức” (*le perçu* hay *perceived space*) có tính tinh thần; “không gian hình thành” (*le conçu* hay *conceived space*) có tính vật chất và “không gian sống” (*le vécu* hay *lived space*) có tính xã hội. Quan điểm lý thuyết cho rằng không gian là một sản phẩm xã hội nên nó cũng có vai trò như một công cụ của tư duy, hành động, đồng thời là phương tiện kiểm soát và cai trị. Nếu không nhận thức được điều này thì sự đổi thay xã hội sẽ trở thành vô nghĩa khi nó không tạo ra được một không gian thích hợp. Thuyết kiến tạo không gian của Lefebvre là một đóng góp quan trọng trong nghiên cứu đô thị, thành phố và không gian.

Sau này, Nigel Thrift nhấn mạnh đến bốn nguyên tắc của hướng tiếp cận không gian cho rằng (1) mọi thứ, từ những thứ nhỏ nhất, đều được phân bố theo bề mặt; (2) không có một đường biên đối với không gian, nghĩa là mọi không gian ở một mức độ ít hay nhiều đều lỗ chỗ hay bị xuyên thủng; (3) tất cả mọi không gian đều biến đổi, không có không gian tĩnh và không gian bất biến; (4) không có một loại hình không gian duy nhất nào [3]. Nghiên cứu của Lisa Drummond nhấn mạnh hai phạm trù không gian: không gian chung/không gian công cộng (*public space*) và không gian riêng (*private space*) trong các phân tích về thực tiễn sử dụng cũng như biên giới của hai không gian này ở đô thị Việt Nam đương đại. Từ những tài liệu thực địa trong bối cảnh Việt Nam đương đại, tác giả đã nhấn mạnh việc phân chia thành hai phạm trù không gian phải chú ý đến các đặc tính địa phương, xét cả về mặt không gian và thời gian [4].

Cách nhìn nhận không gian không chỉ dừng lại ở những phạm trù có thể định nghĩa được mà còn là những phạm trù/ loại không gian không hay khó định nghĩa rõ ràng. Đó là “không gian xã hội” chứa đựng các quan hệ xã hội, các vấn đề và những thực hành của các xã hội tộc người ở khu vực Đông Nam Á, vì thế, nó rộng lớn hơn cả không gian địa lý cư trú. Không gian xã hội, do vậy, theo Condominas ngoài những chiều kích vốn có là mang tính không gian và thời gian mà còn mang tính lịch sử và tộc người. Không gian xã hội quan hệ mật thiết, thay đổi tùy thuộc vào điều kiện lịch sử, đặc điểm kinh tế, xã hội của một cộng đồng [5, tr. 49].

Nghiên cứu về không gian của con người, phát triển lên ở một tầm mức lý thuyết rộng lớn, sẽ đụng chạm đến hai lĩnh vực đặc biệt được quan tâm, chồng khấp nhau của khoa học xã hội hiện và hậu hiện đại: ký ức và địa lý. Edward W. Said với nghiên cứu nổi tiếng của mình đã đưa ra những luận điểm hết sức độc đáo về mối tương tác giữa *sáng tạo, ký ức và không gian* con người đang tồn tại. Theo ông, sáng tạo truyền thống là phương pháp sử dụng ký ức tập thể một cách có lựa chọn, tính toán kiểu trung dụng các biểu tượng tập thể để nhào nặn văn hóa mới phục vụ cho cái hiện tại, mà bề ngoài thì được che đậy bởi vỏ bọc “truyền thống” [6, tr. 179]. Said bằng các phân tích của mình đã chỉ ra, lịch sử thực sự của Palestin đã “được tạo ra” bởi phe chiến thắng là các học giả Israel. Người Israel viết lịch sử Palestin cho người Palestin học. Với mục đích “tạo ra” một lịch sử có lợi cho mình, người Israel đã kể về một lịch sử Palestin không phải như nó đã thật sự diễn ra trong quá khứ mà là kể theo hướng có lợi cho họ - những người Israel chiến thắng. Đến nỗi, ngày nay lịch sử được tạo ra ấy được nghiêm nhiên coi như là “sự thực lịch sử” mỗi khi người ta muốn tìm hiểu về Palestin cổ. Các không gian như các khu tái định cư của Palestin được đổi tên thành khu định cư Do Thái, nhà ở tập trung theo phong cách Châu Âu du nhập và lan rộng khắp khu vực Palestin là những gá lắp vào cảnh quan, không gian minh họa cho quyền lực của Israel... Kết quả cuối cùng ra sao? Người Palestin và Israel giờ đây có mối liên hệ về lịch sử, địa lý mật thiết không tưởng. Họ sống cùng nhau - như Said ví von, một sự kết hợp giữa cây thông của dự án trồng với các cây khác sinh trưởng bốn thập niên qua trong một cách thức khiến ta cứ tưởng như thể tất cả chúng đã từng ở đó. Cách tiếp cận của Said, phức tạp và tinh tế, nhưng nó đã mở ra một viễn cảnh phân tích các cơ chế “sáng tạo không gian” của phe chiến thắng, tạo dựng diễn ngôn không gian theo hướng có lợi cho mình. Dịch chuyển ý đồ phân tích của Said vào Việt Nam, xã hội nhiều biến động mà gắn với mỗi biến cố lớn của lịch sử sẽ xuất hiện một diễn ngôn thống trị chủ đạo, “chịu trách nhiệm” chính trong việc đưa ra các tưởng tượng về làng. Điều ấy, đưa vấn đề nghiên cứu không gian về làng sự cần thiết phải nắm bắt bản chất các diễn ngôn tạo dựng không gian làng với những điều ẩn chứa đằng sau các “động cơ” đưa ra hình ảnh đại diện.

Trở lại với điều kiện bản địa Việt Nam, cái nhìn về làng như một tổ chức không gian đã xuất hiện trong tư duy của các học giả Đông Dương mà Gourou là đại diện tiêu biểu. Qua nghiên cứu của Gourou, ta thấy được làng Việt hiện lên thật cụ thể, sống động và rõ nét. Các không gian như lũy tre, hệ thống đường làng, cổng làng, ao làng, giếng làng, đình và điểm được tác giả coi như những thành phần tạo lên hình hài, dáng vẻ mà ta có thể quan sát được về làng [7].

Tuy nhiên, nghiên cứu không gian làng Việt, chỉ bắt đầu đạt được những thành tựu từ các nghiên cứu về làng xã hiện đại, mà tiêu biểu là công trình *Làng Việt ở vùng châu thổ sông Hồng: Vấn đề còn bỏ ngỏ?* do Philippe Papin và Olivier Tessier chủ biên. Tiếp đó là ấn phẩm do Nguyễn Tùng chủ biên mang tên *Mông Phụ - một làng ở Đông*

bằng Sông Hồng[8]. Hướng tiếp cận không gian được thể hiện rõ nét qua hai bài viết của Nguyễn Tùng [9, tr. 97 - 138] và Olivier Tessier [9, tr. 139 - 179]. Quan điểm của Nguyễn Tùng về làng được nhấn mạnh, làng chỉ là đơn vị cư trú cơ sở mà người dân quê gắn bó về tình cảm nhưng hoàn toàn không có bộ máy hành chính riêng biệt [8, tr. 99]. Làng bao gồm các không gian được tổ chức xen kẽ: xứ và xứ đồng, không gian cư trú, không gian canh tác. Trong không gian cư trú, nổi bật là kiến trúc công cộng mang đậm những đặc trưng làng xã Bắc Bộ. Tổ chức không gian xen kẽ cũng được Olivier Tessier khẳng định là mô hình phản ánh thực tiễn làng Hay ở Phú Thọ. Tác giả đã hướng nghiên cứu của mình vào việc tổ chức các không gian của một làng cụ thể, việc phân loại các không gian cần dựa vào các đặc điểm tự nhiên, mục đích sử dụng của chính các không gian ấy.

Những nghiên cứu về làng, nhất là trong bối cảnh đô thị hóa từ không gian, hướng chủ đạo nổi bật gần đây, dù mới bắt đầu nhưng hứa hẹn nhiều tiềm năng. Bài viết của Nguyễn Công Thảo phân tích sự thay đổi không gian thiêng trong kí ức người dân khi có sự tác động của đô thị hóa đã khiến các không gian ấy dần biến mất, kéo theo tâm thức của người dân về cái thiêng cũng bị phai mờ. Dưới chiều cạnh văn hóa, tôn giáo, quá trình “giải thiêng” là một quá trình nổi bật, là lí do quan trọng dẫn đến sự biến đổi của các không gian sinh thái làng Việt theo hướng gia tăng tính thế tục [10]. Nghiên cứu của nhóm tác giả Nguyễn Văn Sửu và Chu Thu Hường về *hướng tiếp cận không gian trong nghiên cứu làng Việt và những đóng góp của Viện Viễn đông Bác cổ Pháp* mang tính khái quát nhưng trực diện hơn đã cho chúng ta thấy rõ các hướng tiếp cận làng Việt được khái quát một cách rõ nét, trọng tâm: tiếp cận lịch sử, tiếp cận chủ thể và tiếp cận không gian làng. Điều đó càng cụ thể hơn khi nhóm tác giả phân tích và lý giải về sự biến đổi một số không gian chủ đạo của làng như không gian cư trú, không gian kiến trúc, không gian xã hội, không gian thiêng, không gian sản xuất, không gian hành chính, không gian công cộng... ở một làng ven đô cụ thể ở đồng bằng sông Hồng. Các yếu tố nội tại với tác động của các chính sách về công nghiệp hóa, đô thị hóa đã khiến làng Đồng Kỵ thay đổi. Sự biến đổi không gian làng là một hệ quả tất yếu nhưng nó còn thể hiện sự ứng phó linh hoạt của làng trước quá trình đô thị hóa [11]. Đô thị hóa đã tạo nhiều cơ hội chuyển đổi sinh kế, nâng cao chất lượng đời sống của người dân nhưng đồng thời, cũng chứa đựng những thách thức, rủi ro ảnh hưởng đến môi trường, sức khỏe, an sinh xã hội và đặc biệt là lối sống. Đô thị hóa chỉ là một trong nhiều yếu tố quyết định phương thức thay thế không gian làng trong xuyên suốt bối cảnh lịch sử, chính trị, văn hóa, xã hội. Nhưng phải khẳng định rằng, với tác động của đô thị hóa, sự biến đổi không gian mới thực sự mạnh mẽ và phức tạp với nhiều yếu tố tác động, từ yếu tố nội tại của cá nhân, của cộng đồng đến các yếu tố bên ngoài như chính sách nhà nước, các chương trình, dự án thực hiện tại địa phương.

2.2. Kiến tạo không gian làng Ngọc Than trước khi đô thị hoá

Có thể nói, sự biến đổi không gian làng xã Bắc Bộ trải qua một quá trình dài gắn liền với lịch sử địa phương trong bối cảnh lịch sử chung của quốc gia. Các biến động về chính trị, kinh tế, xã hội có ảnh hưởng mạnh mẽ đến kiến tạo không gian, một vấn đề chung ở các làng quê Bắc Bộ mà Ngọc Than không nằm ngoài quy luật. Khung phân tích của tôi dựa trên bốn trục lớn để có thể mang lại một hình dung bao quát về kiến tạo không gian cùng nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi đó.

Thứ nhất, phương thức phá bỏ (toàn bộ hoặc bộ phận) các không gian để phục vụ kháng chiến, và sau này, là sự phá bỏ không gian cũ để xây dựng nền văn hóa mới Chủ nghĩa xã hội. Vì thế, không khó hiểu khi các không gian vốn đại diện cho “phong kiến lạc hậu” sẽ bị phá bỏ hoặc chuyển đổi chức năng không gian. Ở một chế độ xã hội phong kiến mà lễ giáo và tôn giáo đặt nhiều công thức cho sự thờ cúng và xây dựng, các công trình kiến trúc Việt Nam từ thời kỳ dựng nước đến các bước thịnh suy thời trung đại đều mang một giá trị hết sức ý nghĩa, không chỉ đơn thuần về mặt mỹ thuật, kiến trúc, mà còn là đại diện cho nền chính trị, văn hóa và tôn giáo của triều đại trị vì.

Thời kì phong kiến trung đại là sự hưng thịnh của các không gian công như thành quách, lăng tẩm, chùa, tháp và đỉnh cao nghệ thuật kiến trúc dân gian là ngôi đình làng. Tuy nhiên, khi CNXH ra đời, các không gian gọi nhắc tới phong kiến, thuộc địa đều “cần thiết” bị thay thế. Người ta đã tiến hành đốt bỏ nhiều sách vở, chữ Nho, chữ Nôm, hoành phi, câu đối tháo dỡ nhà cổ của những gia tộc quyền thế và đặc biệt, phá bỏ khá nhiều các không gian công trong làng quê Bắc và Bắc Trung bộ Việt Nam như đình, chùa, miếu, đền, văn chỉ. Không chỉ riêng làng Ngọc Than mà hầu khắp các làng quê miền Bắc phải hứng chịu. Hàng loạt các công trình kiến trúc cổ, các không gian công gắn với lịch sử lâu đời của thể chế trung đại, quân chủ phong kiến bị phá bỏ toàn bộ hoặc bộ phận.

Ở làng Ngọc Than, các không gian công quan trọng đều bị phá bỏ bộ phận và thay thế chức năng. *Đình Ngọc Than* trong chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954) đã chuyển đổi chức năng từ không gian của tín ngưỡng, tôn giáo sang gắn liền với thời cuộc cách mạng và đời sống thể tục, ví dụ: Tháng 8 - 1945, nhân dân tập trung trong đình tham gia đoàn khởi nghĩa giành chính quyền tại phủ đường Quốc Oai ngày 17 - 8 - 1945; tháng 1 - 1946, tại đình diễn ra Bầu cử Quốc hội khóa I của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và cùng năm tổ chức phát động “tuần lễ vàng”, quyên góp kim loại quý cho cuộc kháng chiến, kiến quốc. Đặc biệt, năm 1949, do tiêu thổ kháng chiến, hai bên tả vu, hữu vu của đình bị phá bỏ. Đình trở thành nơi trú ngụ của nhiều cán bộ cách mạng, nhân sĩ trí thức như Huỳnh Thúc Kháng, Trường Trinh, Võ Nguyễn Giáp,... Sau ngày toàn quốc kháng chiến, một bộ phận của Bộ Quốc phòng Quân đội nhân dân Việt Nam cũng đóng quân tại đình một thời gian. Đình đã trở thành nơi đi về của cán bộ huyện và xã, tạm trú tại trần bằng gỗ ở gian giữa đình. *Chùa*

Vĩnh Khánh trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ cũng trở thành nơi nuôi giấu cán bộ, hội họp bí mật và cất giữ vũ khí. Thậm chí, trong khuôn viên chùa còn đào hầm bí mật nhưng nay không còn nữa. Từ năm 1972 - 1973, để phục vụ sản xuất xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, một phần chùa còn trở thành kho chứa thuốc sâu của HTX. *Văn từ, văn chỉ* của làng từ năm 1955 - 1965 được sử dụng làm trường tiểu học; sau đó chuyển thành trường mẫu giáo và mới ngừng hoạt động hơn 10 năm nay. Thời gian làm trường học, một số kết cấu của văn từ bị phá hủy như hai cổng bên hông được bít lại xây bếp ăn cho trẻ em. Gian giữa của gian thượng phá ra làm của chính mở thông với sân hậu. Toàn bộ ban thờ, văn phả,... của văn từ được chuyển sang đình thờ.

Bên cạnh các không gian công thì không gian tư ở làng, tiêu biểu là nhà ở cũng bị ảnh hưởng nặng nề. Toàn bộ các ngôi nhà của hộ gia đình bị quy địa chủ, phú nông đều bị phá bỏ, tịch thu ruộng đất. Thực chất, đây chính là những không gian dân sự vô cùng giá trị về mặt kiến trúc và mỹ thuật đặc trưng của làng. Cho đến nay, ở Ngọc Than, nhà cổ vốn là các công trình kiến trúc tư mang đậm tính chất truyền thống của làng mạc đã trở nên vắng bóng. Số còn lại chỉ đếm được trên đầu ngón tay như hộ nhà ông Đỗ Hữu Doanh xóm Quán, Đỗ Lai Nghi xóm Giữa, Đỗ Hữu Tiếp xóm Trại,... nhưng lại đứng trước nhiều nguy cơ như tình trạng xuống cấp và sự bất tiện trong lối sống hiện đại gắn liền với quá trình đô thị hóa ở làng.

Thứ hai, phương thức phá bỏ không gian công phục vụ công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc. Để phục vụ công cuộc xây dựng, hàng loạt các không gian công ở làng bị phá bỏ. Điển hình làng Ngọc Than là cầu Cổng - điểm chấm phá cho bức tranh phong cảnh hữu tình làng Ngọc Than là một trong những niềm tự hào của dân làng, đến năm 1983 đã bị phá bỏ để xe cải tiến chở phân bón và lúa đi qua dễ dàng. Không chỉ có cầu cổng, hệ thống cổng làng cũng bị phá bỏ hoàn toàn để thuận tiện cho phương tiện cơ giới của HTX đi qua. Cổng làng - một trong những không gian công tiêu biểu của làng quê hầu như đã biến mất hoàn toàn trong thời kỳ này mà Ngọc Than cũng khó tránh khỏi. Lịch sử đã diễn ra, bánh xe thời gian không thể quay lại, ngôi làng và người làng đã mất đi những không gian công cổ truyền đại diện cho thẩm mỹ và lịch sử ngàn năm của làng.

Thứ ba, phương thức xây dựng các không gian mới đại diện cho chế độ xã hội chủ nghĩa. Gắn với bất kỳ một nền thể chế chính trị nào của quốc gia cũng hình thành những không gian công mang tính đại diện [12]. Gắn với chế độ xã hội chủ nghĩa, hàng loạt không gian công ra đời như nhà Quốc Hội, cung văn hóa, bảo tàng, lăng Chủ tịch,... Ở cấp độ địa phương, các không gian công mới ra đời, tiêu biểu là UBND - cơ quan hành chính tối cao; trường học đại diện cho nền tảng giáo dục mới, trạm y tế đại diện cho nền y tế mới và HTX đại diện cho nền kinh tế mới,... Tất cả các không gian công này thể hiện niềm tin và lý tưởng dưới thời CNXH. Cho đến nay, gắn với sự tồn tại vững chắc của chế độ, các không gian công đó vẫn được coi là những không gian

chính thống, hoạt động một cách thường xuyên mang tính thể tục. Các không gian công truyền thống như đình, chùa,... giờ đây, đã mất đi nhiều chức năng cổ xưa, mà hầu hết chỉ còn mang tính chất về mỹ thuật, tôn giáo và văn hóa làng mạc. Chức năng của các không gian công truyền thống, đảm bảo về mặt chính trị xã hội dịch chuyển cho các không gian mới phục vụ CNXH. Ở làng Ngọc Than, hầu như các không gian công mới như UBND xã, nhà văn hóa, trạm y tế, trường học,... hình thành sau năm 1954 và dần được nâng cấp hiện đại như hiện nay. Các không gian này có chức năng và nhiệm vụ rõ ràng cho từng lĩnh vực như kinh tế, chính trị, văn hóa, y tế, giáo dục,... Nhưng, hòa vào bối cảnh đô thị hóa, các không gian này còn chứa đựng những chức năng vô cùng linh động, thể hiện sự năng động của không gian công hiện đại như hình ảnh Nhà văn hóa thôn mở gara ô tô cho người làng thuê. Tuy nhiên, những chức năng chủ đạo vẫn được phát huy một cách hiệu quả, trong một khuôn khổ nhất định.

Thứ 4, phương thức thay thế không gian do sức ép dân số. Ở Bắc Kỳ, từ rất sớm, người ta đã biết đến nạn nhân mãn, sức ép dân số. Tuy nhiên hệ quả lại không giống nhau ở từng làng mạc. Làng Ngọc Than hiện nay cũng chịu sức ép dân số, nhưng sức ép này trầm trọng hơn do tập tính của chính ngôi làng. Người dân ở đây có một thói quen cố hữu đến mức cố chấp trong việc bám đất quê, với quan niệm đất trong làng bao giờ cũng *ấm* hơn ngoài làng. *Ấm* là từ địa phương thể hiện sự cư trú tốt đẹp trong làng mạc, vì thế khi có tiền người ta sẵn sàng tìm kiếm nơi cư trú trong làng thay vì thoát ly hay thậm chí là mua một mảnh đất làng kề bên để xây nhà. Điều này dẫn đến tình trạng cạn đất ở làng. Nhiều không gian gò đồi, ao, ngòi trong làng bị lấp làm khu dân cư. Gò đất là ranh giới tách biệt địa lý hai làng Ngọc Than và Phú Mỹ như hiện diện cho chính sự ngăn cách và “không hòa hợp” của người dân hai làng. Cho đến năm 1955 hai thôn hợp thành một xã đã đắp đường nối liền hai thôn. Dân cư hai thôn từ đây sinh sống kín đầy như hiện nay. Sau đó, các ao hồ cũng chịu chung số phận, lấp đất lấy mặt bằng. Ngòi Than biến mất, thay vào đó là những ngôi nhà trái phép mọc lên. Đất thu hẹp nhưng người dân vẫn cố thủ không chịu rời khỏi làng. Ngày nay, thậm chí trên các xứ đồng, khi dân số quá tải, họ sẵn sàng xây dựng các ngôi nhà bán kiên cố, kiên cố để chuyển ra sinh sống. Loại hình kinh tế trang trại ngoài mục đích phát triển kinh tế nông nghiệp còn là hình thức giãn cư trong tính toán của chính người dân ở làng và cả chính quyền thôn, xã.

Thứ 5, phương thức thay thế không gian do đô thị hóa. Đây là phương thức thay thế nhìn thấy rõ nhất và trên qui mô rộng lớn nhất. Vấn đề này sẽ được làm rõ ở phần tiếp theo.

2.3. Kiến tạo không gian làng Ngọc Than dưới tác động đô thị hoá

Quá trình đô thị hóa cùng với những chính sách phát triển khác của Nhà nước trong vòng hơn một thập kỷ qua, thực chất, đã tạo nên những biến đổi về nhiều mặt ở làng Ngọc Than. Đầu tiên phải bàn đến phong trào xây nhà mới theo kiểu hiện đại trở

nên rầm rộ từ sau các đợt bồi thường đất, đặc biệt từ năm 2008 đến 2011. Với số tiền bồi thường đất ruộng đã mất, nhiều nhà trong làng vốn sống trong những ngôi nhà cấp bốn ba gian truyền thống chật chội đã bỗng chốc có vốn để xây dựng nhà cửa khang trang hơn. Theo khảo sát thực địa, 70 - 80% các hộ gia đình ở làng xây được nhà tầng là xuất phát từ các đợt thu hồi đất. Làng Ngọc Than như được thay da, đổi thịt khi nhìn từ trên cao. Những nhà mới xuất hiện một cách chắp vá bên cạnh những ngôi nhà cũ và lấn át những không gian cũ xưa. Đô thị hóa đã tạo cho Ngọc Than một diện mạo mới. Làng không chỉ mở theo chiều rộng mà còn phát triển theo chiều cao với những ngôi nhà cao tầng, siêu thị mini và phòng tập gym hiện đại. Ngọc Than đang dần đánh mất hình hài của một ngôi làng truyền thống, hiện đại nhưng ẩn chứa sự nhạt nhòa, vô hồn của những sự thay thế không gian mà nhiều người hiểu biết ở làng cho rằng “quá vội vàng” và “thiếu hiểu biết”.

Điểm thứ hai, từ khi cao tốc Láng Hòa Lạc đi vào hoạt động, như đã phân tích ở trên. Số phận các con đường trong làng đã thay đổi, kéo theo sự chuyển mình của chính ngôi làng. Đường ra vào làng xưa như một biểu tượng cho cánh tay con *lạ* trước mặt đình, tuân thủ nghiêm ngặt tính phong thủy làng xã, nhưng từ khi hình thành đường cao tốc chạy qua cánh đồng đã phá vỡ mọi nguyên tắc phong thủy. Mặt tiền làng chuyển đổi từ trước trước mặt đình sang hai nhánh đường đâm ra cao tốc và qua thị trấn Quốc Oai. Hai trục đường này phát triển một cách rầm rộ. Cuộc sống tiện nghi, hiện đại, giờ đây cũng là một hình ảnh phổ biến ở làng Ngọc Than. Tiêu biểu là những đoạn đường lớn, rải nhựa ăn dọc các xóm Trại Mới, Bến Rước và khu vực Gốc Gạo, nơi có thể định danh là phố với những khu buôn bán, dịch vụ, tiêu dùng sầm uất và nhất là nhà ở. Tâm lý người làng cũng thay đổi, từ tính chất phòng thủ, thích sống sâu trong làng thì ngày nay, việc sống tại các xóm gần dân nằm ở rìa làng lại trở nên được ưa chuộng hơn bao giờ hết. Từ năm 2008 trở lại đây, dưới tác động của đô thị hóa, rìa làng đã trở thành “đất vàng” của làng, trở thành trung tâm buôn bán với những tuyến đường giao thông thuận lợi, tạo nhiều cơ hội sinh kế cho các hộ gia đình.

Sự phát triển, nâng cấp đường liên thôn thành đường nhựa, rộng chừng 8 m của hai con đường mới chạy qua hai xóm Trại Mới và Bến Rước vòng qua đình làng cho đến nay không chỉ là sự thay đổi về cơ sở vật chất mà còn là đòn bẩy thúc đẩy sự thông thương, buôn bán ở làng. Người dân mạnh dạn mở các hàng quán, dịch vụ hai bên đường. Đặc biệt, nghề mộc ở làng được vực dậy một cách mạnh mẽ.

Phần hưởng lợi của làng nhờ đô thị hóa, một xu hướng tất yếu của các làng ven đô và cũng là xu hướng chung - xu hướng đô thị trên bề mặt toàn cầu là khó phủ nhận. Tuy nhiên, “mặt trái” của đô thị hóa, những thách thức mà ngôi làng phải đối mặt cũng là vấn đề đáng quan tâm. Chỉ ra mặt tác động tiêu cực từ đô thị hóa đến làng xã qua trường hợp Ngọc Than như là một sự góp phần phản biện quá trình đô thị hóa còn

hiều bất cập ở Việt Nam, từ đó, mong muốn tiến đến gần hơn với xu hướng phát triển đô thị hóa bền vững.

Ở Ngọc Than, làng mật tập khiến cho không gian cư trú ngày càng chật chội. Sự biến mất của các ngôi nhà truyền thống, vườn cây, ao cá ở làng vì thế là điều tất yếu xảy ra. Không gian thu hẹp trong tầm mắt, mảnh đất cư trú bị chia vụn, nhiều nhà cao tầng mọc lên san sát nhau để có thể đáp ứng nhu cầu sử dụng không gian sinh hoạt cho các đại gia đình đang ngày một thêm đông. Điều tất yếu, khi dân số tăng, kéo theo nhu cầu nhà ở và trực tiếp là đất thổ cư cần được mở rộng. Không gian mặt nước chính là đối tượng được nhắm đến “thôn tính” để đáp ứng cho nhu cầu xây dựng nhà dân sinh. Hệ thống ngòi, ao làng là nơi tiêu thoát nước của làng gần như biến mất hoàn toàn vì bị san lấp làm nhà trái phép vào thời điểm năm 2011. Cái “chết” của Ngòi Than là một trong những minh chứng tiêu biểu. Năm 2011, ngòi chỉ còn là rãnh nước thải nhỏ, bẩn, đen sì, bốc mùi hôi thối, chứa đầy rác thải. Hệ thống thoát nước chính của cả ngôi làng không còn nữa kéo theo hệ lụy ngập úng, ứ đọng nước thải vô cùng nghiêm trọng.

Sự thu hẹp không gian mặt nước còn kéo tình trạng ô nhiễm nguồn nước kéo dài ở làng, tình trạng này rất nghiêm trọng, khi nó biến làng Ngọc Than thành “làng ung thư” đã thành tâm điểm dư luận. Người ở làng cho biết, trước đây họ thường dùng nước ở các giếng xóm. Giếng là một trong những không gian mặt nước quan trọng đối với người dân ở làng. Sự xuất hiện của giếng khoan ở các hộ gia đình đã biến những giếng nước thành lãng quên. Dù hầu hết giếng làng hiện vẫn còn, nhưng tất cả đã thu hẹp và bỏ không. Ao Sen trước kia vốn là nơi chứa nguồn nước thải của làng, nhưng từ khi không có nước dùng, nguồn nước cung cấp chủ đạo cho cả làng lại chính là Ao Sen. Các hệ thống đường dẫn hút nước từ bình lọc dưới ao chẳng chịt. Các hộ chung nhau mua củ lọc nhưng vẫn không đủ để sử dụng, có hộ đành dẫn nước trực tiếp về dùng mà không qua hệ thống lọc. Nước bẩn đã trở thành nguồn nước sinh hoạt của yếu của người dân. Sẽ không quá cường điệu khi nhận định đó là một trạng thái nguy hiểm cho việc quản lý phát triển của làng xã. Bởi lẽ tình trạng hiện nay không chỉ đe dọa phá vỡ trật tự không gian, trật tự xã hội mà còn dẫn tới tình trạng không thể kiểm soát nổi môi trường của làng xã.

Đô thị hóa là quá trình kéo theo hàng loạt các không gian đại diện cho lối sống đô thị xuất hiện trong làng mạc. Phần rìa làng trong quá khứ trở thành trung tâm kinh tế của làng trong hiện tại vì có được thuận lợi do đô thị hóa mang lại. Không gian như thế chính là đại diện cho nền căn cước, diện mạo hình thể và văn hóa mà ngôi làng tồn tại và trải qua. Quan sát không gian một ngôi làng bất kỳ ta cũng có thể hình dung được trải nghiệm của chính làng đó. Ngọc Than từ khi đô thị hóa, những không gian chưa hề có trước đây nay đã xuất hiện và trở thành một phần quan trọng trong không gian làng như đường cao tốc, siêu thị mini, hệ thống cửa hàng cắt tóc gội đầu, phòng

khám nha khoa, phòng tập gym, quán ăn sáng... Nhịp sống của người ở làng vì thế cũng thay đổi. Lối sống ở đô thị Việt Nam nói chung hiện nay là sự pha trộn giữa lối sống nông nghiệp và lối sống công nghiệp. Quá trình công nghiệp hóa mới chỉ bắt đầu, nên quá trình văn hóa nông nghiệp theo mô hình làng xã cổ truyền vẫn chi phối mạnh mẽ đến đời sống đô thị [13, tr 123]. Ngọc Than cũng không nằm ngoài quy luật. Không khó để bắt gặp khung cảnh đối nghịch ở Ngọc Than, ở trong làng, trong các phòng kính hiện đại, người người hăm hở tập thể dục, thể hình trên các thiết bị hiện đại, nhưng bên ngoài cánh đồng, những người nông dân vẫn cặm cui cấy từng nhúm mạ.

3. KẾT LUẬN

Trên cơ sở lý thuyết và thực tiễn, đô thị hóa và những tác động của nó đến không gian làng xã ở khu vực ven đô, thực chất, đã tạo nên những biến đổi về nhiều mặt ở làng xã nói chung và Ngọc Than nói riêng. Đô thị hóa thực chất chỉ là một yếu tố trong chuỗi những nguyên nhân dẫn đến biến đổi không gian làng xã. Tuy nhiên, chỉ khi đô thị hóa xâm nhập vào làng mạc, các không gian mới đạt đến sự biến đổi dữ dội và sâu sắc. Không đơn thuần chỉ là sự dung nạp những công trình mang tính hiện đại vào kiến trúc không gian công truyền thống, mà hơn hết, còn là sự hòa giải để chuẩn bị cho một cuộc tranh đấu tồn tại trước những thay đổi của thời cuộc. Chức năng các không gian công truyền thống dần xa rời đời sống thế tục hướng đến phục đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của con người. Nếu như ở nhiều làng ven đô, sự biến mất các không gian công truyền thống là điều khó tránh khỏi thì Ngọc Than lại là một trường hợp khác biệt. Không chỉ còn tồn tại mà trong những không gian đó, người dân vẫn hết lòng duy trì và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống trong bối cảnh hiện đại. Quá trình phục dựng văn hóa địa phương gắn liền với các không gian công truyền thống thực chất là quá trình chọn lọc, tái cấu trúc cho phù hợp với bối cảnh mới. Bên cạnh đó, không gian tư ở làng hay cụ thể là ngôi nhà cũng chịu một sự tác động mạnh mẽ từ quá trình đô thị hóa. Người dân làng Ngọc Than đứng trước bối cảnh mới, có những cách ứng phó khá linh hoạt với ngôi nhà của mình. Có phá bỏ, có lai ghép, có xây mới và cũng có tồn cổ, tất cả sự lựa chọn phương thức thay thế không chỉ chịu từ ảnh hưởng từ bên ngoài mà còn là xuất phát từ nội tại, hay chính là yếu tố con người. Nhận diện được yếu tố truyền thống và hiện đại là điều hết sức quan trọng để có thể hướng đến những kiến giải phát triển đô thị hóa bền vững nông thôn Việt Nam, tiến đến hiện đại mà không đứt gãy với truyền thống quá khứ. Hay, nói như cố học giả Trần Đình Hượu, có thể đến hiện đại từ truyền thống. Có nhiều yếu tố đang biến mất, mai một nhưng đồng thời, nhiều yếu tố được phục dựng, tái - sáng tạo liên tục. Sự thật, truyền thống không thể tự khuôn mình bảo thủ, duy trì các yếu tố của một nền văn hóa ở mãi một trạng thái bởi trong chính bản chất cái được gọi là truyền thống đã mang trong mình yếu tố làm mới và tích hợp các văn hóa.

LỜI CẢM ƠN

Bài viết là kết quả của đề tài khoa học cấp cơ sở Mã số: CS.2023.07 năm 2023 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội. Trân trọng cảm ơn Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đã tài trợ kinh phí cho nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Claval, P. (1993), *Marxism and space, L'Espace géographique*, 1(1).
- [2]. Lefebvre, H., & Nicholson-Smith, D. (1991), *The production of space* (Vol. 142), Blackwell: Oxford.
- [3]. Thrift, Nigel. (2006), "Space", *Theory, Culture & Society* 23 (2 -3), pp.139 - 155.
- [4]. Lisa Drummond (2000), "Street Scenes: Practices of Public and Private Space in Urban Vietnam", *Urban Studies*, Vol. 37, No.12, pp. 2377 - 2391.
- [5]. Georges Codominas (1997), *Không gian xã hội vùng Đông Nam Á*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
- [6]. Edward W.Said (2000), "Invention, Memory, and Place", *Critical Inquiry*, Vol. 26 (No. 2).
- [7]. Pierre Gourou (2003), *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ*, Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp và Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Nxb Trẻ, Hà Nội.
- [8]. Nguyễn Tùng (2003), *Mông Phụ một làng ở đồng bằng sông Hồng*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [9]. Philippe Papin - Olivier Tessier chủ biên (2002), *Làng ở vùng châu thổ sông Hồng: Vấn đề còn bỏ ngỏ*, Nxb Thế Giới - BEFEO.
- [10]. Nguyễn Công Thảo (2012), "Sự biến mất của những bóng ma, tiếp cận dưới góc độ Nhân học Sinh thái", *Tạp chí Dân tộc học*, số 5+6, tr 74 - 84.
- [11]. Nguyễn Văn Sửu, Chu Thu Hường (2015), "Hướng tiếp cận không gian trong nghiên cứu làng Việt và những đóng góp của Viện Viễn đông Bác cổ Pháp", *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Tập 1, số 2, tr. 144 - 160.
- [12]. William S. Logan (2010), *Hà Nội: Tiểu sử một đô thị*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
- [13]. Trần Ngọc Hiền, Trần Văn Chứ (1998), *Đô thị hóa và chính sách phát triển đô thị trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

URBANIZATION AND SPACE CONSTRUCTION IN A SUBURBAN VILLAGE (CASE STUDY OF NGOC THAN VILLAGE)

Ngo Thi Chang

University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University, Hanoi

Email: changanthro1911@ussh.edu.vn

ABSTRACT

By observing the village through the lens of spatial theory, and analyzing it as a dynamic entity, this article provides many perspectives about villages, especially in the process of urbanization. The article points out that urbanization in reality is only one factor in a series of reasons that result in the "construction" of village space during the process of existence. According to the article from the case study of Ngoc Than Village, urbanization has penetrated the community and fundamentally altered its spatial organization.

Keywords: sustainable urbanization, space, space construction, villages, traditional.



Ngô Thị Chang sinh ngày 19/11/1991 tại Hưng Yên. Bà tốt nghiệp cử nhân ngành Nhân học năm 2013 và thạc sĩ chuyên ngành Nhân học tại Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn vào năm 2016. Từ năm 2017 đến nay, bà công tác tại khoa Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc Gia Hà Nội.

Lĩnh vực nghiên cứu: đô thị hoá, kiến tạo không gian.